

## THỰC TRẠNG TIẾP CẬN GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM LANG THANG ĐƯỜNG PHỐ TỈNH AN GIANG

• Lê Thị Hồng Hạnh<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Bài viết này đề cập đến thực trạng tiếp cận hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục chính qui và giáo dục thường xuyên) của trẻ em lang thang đường phố tại 03 đô thị lớn của tỉnh An Giang. Đồng thời, những phân tích, bình giải và kiến nghị nhằm tăng cơ hội và mức độ tiếp cận với giáo dục cho nhóm trẻ em lang thang đường phố cũng được tác giả đề cập trong bài viết này.*

*Từ khoá: trẻ em lang thang, tiếp cận giáo dục, tỉnh An Giang.*

### 1. Đặt vấn đề

Trẻ lang thang đường phố là một trong những đối tượng thuộc nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và dễ bị tổn thương. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy, vào thời điểm thống kê năm 2008 số trẻ em lang thang trong cả nước là 28.528 em và năm 2014, số trẻ lang thang ước tính vào khoảng gần 30.000 trẻ. Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, sự phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng, cấu trúc gia đình ngày một lỏng lẻo nên tình trạng trẻ em lang thang ngày càng tăng cao, nhất là ở các thị trấn và đô thị lớn. Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, trẻ em lang thang đều ở trong tình trạng dễ bị tổn thương. Đặc biệt học vấn của trẻ em lang thang nhìn chung là thấp vì đa số các em bỏ học sớm, thất học và thậm chí còn có một số em mù chữ hoặc tái mù chữ. Tuy nhiên cơ hội tiếp cận với các loại hình giáo dục gặp rất nhiều khó khăn. Theo điều tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trẻ em lang thang từ 6 - 16 tuổi chưa từng đi học chiếm 4,7%; 34% bỏ học ở bậc tiểu học; 58,7% bỏ học ở cấp trung học cơ sở và 2,6% bỏ học ở cấp trung học phổ thông... Như vậy, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học đã có từ lâu, nhưng vẫn còn khoảng gần 40% trẻ em lang thang chưa được học xong chương trình tiểu học [3]. Điều này là một trở ngại rất lớn, tác động đến nhận thức của các em do thiếu kiến thức về văn hóa cần thiết, thiếu các kỹ năng trong lao động, nghề nghiệp để tìm được việc làm ổn định khi trưởng thành và có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Tại tỉnh An Giang, số lượng trẻ lang thang kiếm sống trên các đường phố là khá cao. Với đặc điểm là kiếm sống trên đường phố và luôn di biến động, số trẻ lang thang trong tỉnh hiện nay tập

trung nhiều nhất ở các đô thị lớn như: thành phố (TP) Long Xuyên, TP. Châu Đốc và thị xã (TX) Tân Châu. Trong những năm qua, tỉnh An Giang cũng như nhiều tỉnh thành khác trong cả nước, đã và đang nỗ lực thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em với nhiều hình thức và mô hình khác nhau. Trong năm 2011, An Giang có 156/156 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục tiểu học, 155/156 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, 154/156 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trẻ em trong độ tuổi đi học phải bỏ học vì nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do ảnh hưởng trực tiếp của cuộc sống [10]. Vì vậy, để chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và dễ bị tổn thương như trẻ lang thang thì cần phải nắm rõ thực trạng tiếp cận với giáo dục của các em hiện nay là điều cần thiết.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Các khái niệm có liên quan đến nghiên cứu

##### 2.1.1. Trẻ em lang thang đường phố

Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Quốc hội, 2004), trẻ em lang thang là một trong mười nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Theo đó, trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định; trẻ em cùng với gia đình đi lang thang. Trẻ em lang thang được định nghĩa ở Việt Nam bao gồm bốn nhóm trẻ [9]. Trong bài viết này, trẻ em lang thang được xác định là nhóm trẻ đường phố dưới 18 tuổi thuộc nhóm trẻ thứ 3 trong báo cáo "Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam [9]. Theo đó, nhóm trẻ em làm việc tự do trên đường phố và

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học An Giang.

*vẫn sống cùng cha mẹ hoặc người bảo trợ ở tỉnh An Giang gồm các em kiếm sống bằng các nghề trên đường phố như bán sách báo, đánh giày, bán vé số, tạp hoá, bán bánh mì, bom xe, bốc vác, thu nhặt phế liệu, ăn xin.*

### 2.1.2. Mức độ tiếp cận giáo dục

Theo Từ điển tiếng Việt (Nguyễn Như Ý, 1998) thì mức độ được xác định trong khoảng nhất định. Mức độ được coi là một cơ sở để so sánh trong một lĩnh vực cụ thể hay trừu tượng, như cao - thấp, gần - xa, có hoặc không có, dễ dàng hoặc không dễ dàng, phù hợp hoặc không phù hợp. Còn tiếp cận là từ tiếng Việt tương ứng với từ “accessibility” trong tiếng Anh. Nó được dùng để mô tả mức độ số lượng nhiều người nhất có thể tham gia được với một sản phẩm nào đó (như các loại thiết bị, dịch vụ, môi trường không gian). Tiếp cận bình đẳng trong giáo dục được xem là cơ hội học tập ở nhiều cấp học và trình độ đào tạo.

Với thuật ngữ “giáo dục” được hiểu là tác động có hệ thống để con người có thêm năng lực và phẩm chất cần thiết [5]. Theo Công ước về chống phân biệt đối xử trong giáo dục của Unesco năm 1960, thuật ngữ giáo dục đề cập đến mọi hình thức và cấp độ giáo dục, trong đó có quyền được tiếp cận giáo dục, chuẩn mực và chất lượng giáo dục, những điều kiện thực hiện giáo dục. Còn theo Từ điển Giáo dục học [4] thì “giáo dục” là hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia sản xuất lao động và sản xuất đời sống xã hội”. Về cơ bản: Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người [2]. Tuy nhiên, thuật ngữ giáo dục luôn được đề cập với 2 nghĩa: một là “quá trình giáo dục”, hai là “hệ thống giáo dục”.

*Trong bài viết này giáo dục chỉ được xem xét với nghĩa là hệ thống giáo dục, bao gồm: giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên (tham gia học tập và hưởng thụ các điều kiện hỗ trợ học tập như cơ sở vật chất, nội dung học tập, phương pháp giảng dạy, thái độ của giáo viên...).* Trong

đó, giáo dục thường xuyên không bao hàm các hình thức giáo dục chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân. Mà nó bao gồm “tất cả các cơ hội học tập mà mọi người đều mong muốn hoặc cần có sau xóa mù chữ cơ bản và giáo dục tiểu học” [6]. Và “mức độ tiếp cận giáo dục” là có hoặc không có, dễ dàng hoặc không dễ dàng tham gia học tập trong hệ thống giáo dục quốc dân. Như vậy, “mức độ tiếp cận giáo dục của trẻ lang thang” được hiểu là nhóm trẻ dưới 18 tuổi, làm việc tự do trên đường phố và vẫn sống cùng cha mẹ hoặc người bảo trợ có hoặc không có, dễ dàng hoặc không dễ dàng tham gia học tập trong hệ thống giáo dục quốc dân. *Mức độ tiếp cận giáo dục của trẻ lang thang sẽ được xem xét trên 2 khía cạnh: Sự tham gia học tập và hưởng thụ các điều kiện hỗ trợ học tập trong hệ thống giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.*

### 2.2. Đặc điểm chung về mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin trên 150 trẻ em lang thang đường phố tại 3 địa điểm trong tỉnh An Giang, bao gồm: TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc và TX. Tân Châu. Bên cạnh đó các phỏng vấn sâu cũng được thực hiện để mô tả và làm rõ thêm vấn đề của nghiên cứu.

Kết quả khảo sát cho thấy, số trẻ lang thang đang sinh sống tại TP. Long Xuyên là 36,7%; TP. Châu Đốc là 33,3%; TX. Tân Châu là 23,3% và 6,7% trẻ từ các địa phương khác trong và ngoài tỉnh đến TP. Long Xuyên và Châu Đốc để bán vé số hoặc bán hàng rong, nhặt phế liệu trong dịp nghỉ hè. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu này được trình bày tóm tắt trong Bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, trong 150 mẫu khảo sát, có 47,3% là trẻ nữ và 52,7% là trẻ nam. Phần lớn trẻ em lang thang trong độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi (chiếm 92%). Xét trên độ tuổi đi học, nghiên cứu phân chia độ tuổi của trẻ lang thang thành 3 nhóm tuổi khác nhau (dựa trên độ tuổi được quy định trong Luật Giáo dục (2005). Theo đó, nhóm tuổi từ 6 đến 11 tuổi là 43%; nhóm tuổi từ 12 đến 15 tuổi là 49%, nhóm tuổi từ 16 đến 18 tuổi là 8%. Sự phân chia này sẽ giúp cho việc đánh giá kết quả tiếp cận giáo dục của trẻ em lang thang theo đúng độ tuổi đến trường. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy trong 138 trẻ trả lời về hiện trạng cuộc sống thì có

89,3% sống cùng cha hoặc cùng mẹ, chỉ có 7,3% trẻ lang thang đang sống cùng cô, dì, chú, bác hoặc cha mẹ nuôi. Tuy nhiên, một đặc điểm đáng lưu ý là vẫn có 2,7% trẻ đang sống một mình và 0,7% trẻ đang sống cùng nhóm bạn. Những yếu tố này có thể dẫn đến các tình huống có nguy cơ cao đối với trẻ lang thang như bị lạm dụng tình dục, mại dâm hoặc bị lôi kéo làm trái pháp luật.

**Bảng 1. Thông tin chung về trẻ em lang thang**

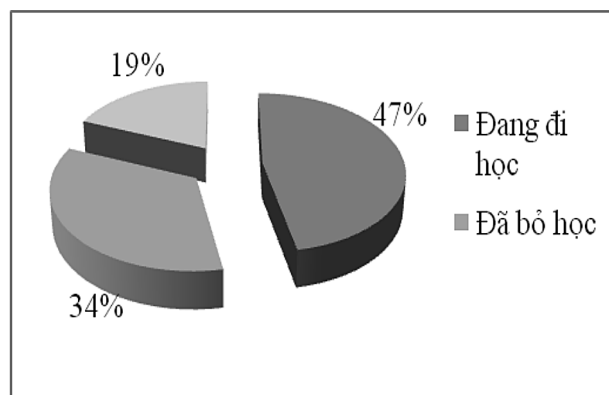
Thông tin về trẻ	Số lượng	%
<b>Tổng số trẻ</b>	<b>150</b>	<b>100</b>
Giới tính	150	100
Trẻ Nam	79	52,7
Trẻ Nữ	71	47,3
<b>Nhóm tuổi</b>	<b>149</b>	<b>100</b>
Trẻ từ 6 đến 11 tuổi	64	43
Trẻ từ 12 đến 15 tuổi	73	49
Trẻ từ 16 đến 18 tuổi	12	8
<b>Hiện trạng cuộc sống của trẻ</b>	<b>150</b>	<b>100</b>
Trẻ sống một mình	4	2,7
Trẻ sống cùng gia đình (có ít nhất là cha hoặc mẹ sống cùng)	134	89,3
Trẻ sống cùng nhóm bạn	1	0,7
Trẻ sống cùng người khác	11	7,3
<b>Công việc mà trẻ đang làm trên đường phố</b>	<b>150</b>	<b>100</b>
Trẻ đi lượm đồng nát	1	0,7
Trẻ đi bán vé số	101	67,3
Trẻ đi bán hàng rong	25	16,7
Trẻ đi ăn xin	17	11,3
Trẻ làm việc khác	6	4

Việc làm trên đường phố của trẻ lang thang cũng rất đa dạng: bán vé số, bán hàng rong, ăn xin, lượm đồng nát. Trong đó, trẻ đi bán vé số chiếm tỷ lệ cao nhất với 67,3%, kế đến là trẻ đi bán hàng rong như bán nhang, bán thuốc và tạp hóa di động (16,7%), trẻ đi ăn xin (11,3%) và thấp nhất là trẻ đi lượm đồng nát (0,7%).

### 2.3. Thực trạng đi học của trẻ em lang thang

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 150 trẻ lang thang tham gia cung cấp thông tin có 47% trẻ đang đi học, 34% trẻ đã bỏ học và 19% trẻ chưa từng đi học (Biểu đồ 1). Tỷ lệ trẻ lang thang đang đi học được ghi nhận là cao hơn phát hiện của Nguyễn Văn Buồm [1], theo đó nghiên cứu cho thấy chỉ có 11% trẻ em lang thang cơ nhỡ đang được theo

học, trong đó có một bộ phận trẻ đang học tại các lớp học tình thương.



**Biểu đồ 1. Tình trạng đi học của trẻ em lang thang**

Riêng đối với nhóm trẻ đã bỏ học (51 trẻ chiếm 34%), kết quả nghiên cứu cho thấy trẻ bỏ học ở độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi là 15,7%, ở độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi là 62,7% và ở độ tuổi từ 16 đến 18 tuổi là 21,6%. Xét về giới tính thì tỷ lệ trẻ nam bỏ học nhiều hơn trẻ nữ (64,7% so với 35,3%) và các em chủ yếu bỏ học ở bậc tiểu học (65,4%), còn lại bỏ học ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông (32,7% và 1,9%). Trong đó, tỷ lệ trẻ lang thang ở TP Châu Đốc bỏ học nhiều hơn các địa phương còn lại. Lý do mà trẻ phải bỏ học đều xuất phát từ kinh tế như: do gia đình không có tiền và trẻ phải đi làm kiếm sống (61,6%), kế đến là gia đình trẻ không cho trẻ đi học (19,2%). Các nguyên nhân khác như: người thân mất, ba mẹ li hôn, chuyển trường, thi rớt và không theo học được, bị kỳ thị chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ.

Còn đối với nhóm trẻ chưa từng đi học (28 trẻ chiếm 19%) thì tỷ lệ trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi chiếm nhiều hơn so với hai nhóm trẻ còn lại (51,9% so với 44,4% ở nhóm trẻ từ 12 đến 15 tuổi và 3,7% ở nhóm trẻ từ 16 đến 18 tuổi). Và tỷ lệ trẻ nam “chưa từng đi học” cũng nhiều hơn trẻ nữ (57,1% so với 42,9%) (Bảng 2). Điều này cho thấy, còn nhiều trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi chưa tiếp cận được với giáo dục cơ bản của nhà nước (theo Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991). Những nhận định của trẻ lang thang cho thấy, lý do mà các em chưa được đi học theo đúng độ tuổi là bởi thủ tục pháp lý, điều kiện gia đình và hoàn cảnh bản thân (kết quả phỏng vấn sâu).

**Bảng 2. Tương quan giữa nhóm trẻ chưa từng đi học và độ tuổi, giới tính, địa bàn**

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
<b>Độ tuổi (P = 0,000)</b>	<b>27</b>	<b>100</b>
Từ 6 đến 11 tuổi	14	51,9
Từ 12 đến 15 tuổi	12	44,4
Từ 16 đến 18 tuổi	1	3,7
<b>Giới tính (P = 0,035)</b>	<b>28</b>	<b>100</b>
Nam	16	57,1
Nữ	12	42,9
<b>Địa bàn sinh sống (P = 0,031)</b>	<b>28</b>	<b>100</b>
TP Long Xuyên	14	50
TP Châu Đốc	4	14,3
TX Tân Châu	9	32,1
Nơi khác	1	3,6

Bên cạnh đó, giá trị tương quan ( $P = 0,031$ ) cũng cho thấy tỷ lệ trẻ ở TP. Long Xuyên chưa từng đi học cao hơn TP. Châu Đốc và TX. Tân Châu. Lý do mà trẻ lang thang “chưa từng đi học” được cho là do gia đình không cho đi học (28,6%), gia đình không có tiền (17,9%), trẻ không thích đi học (10,7%) và có đến 35,7% trẻ có những lý do khác, trong đó, lý do trẻ chưa có giấy khai sinh hoặc mất giấy khai sinh chiếm đa số. Không có giấy khai sinh hoặc mất giấy khai sinh là lý do được khắc phục và giải quyết trong một thời gian ngắn bởi các cơ quan chức năng. Do đó, để trẻ lang thang có thể tiếp cận dễ dàng với hệ thống giáo dục thì lý do trên cần được quan tâm và xem xét giải quyết trong thời gian sớm nhất. Bởi việc thực hiện quyền cơ bản này của trẻ em có ảnh hưởng vô cùng quan trọng tới việc thực hiện tất cả các quyền khác trong cả thời niên thiếu lẫn khi đã trưởng thành. Và đây là điều kiện đầu tiên để đảm bảo cho trẻ được hưởng các dịch vụ cơ bản như chăm sóc y tế và được đi học đúng độ tuổi [7].

#### **2.4. Thực trạng tiếp cận với giáo dục chính qui của trẻ lang thang đường phố**

Việc tìm hiểu mức độ tiếp cận với giáo dục chính qui của trẻ lang thang được phân tích thông qua hai tiêu chí, một là: tham gia vào hệ thống giáo dục và hai là tiếp cận với các điều kiện hỗ trợ học tập.

##### *2.4.1. Thực trạng trẻ lang thang tham gia vào hệ thống giáo dục*

###### *a. Tỷ lệ phần trăm trẻ tham gia vào các bậc học và đi học theo các độ tuổi*

Trong tổng số 71/150 trẻ đang đi học, có 76,8% trẻ đang học tiểu học và 23,2% trẻ đang học bậc trung học cơ sở và tất cả các em đang tham gia vào hệ thống trường công lập tại địa phương. Khi xem xét độ tuổi đi học của trẻ lang thang với cấp học, kết quả thống kê mô tả cho thấy có 44,4% trẻ lang thang trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi đang theo học bậc tiểu học, lứa tuổi mà đáng lẽ phải đang học tại các trường trung học cơ sở. Điều này khẳng định rằng, việc đi học đúng độ tuổi qui định của Luật Giáo dục (2005) đối với bậc trung học cơ sở (nhóm trẻ lang thang trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi) là chưa cao. Lý do được giải thích ở đây là do trẻ bị gián đoạn trong quá trình học tập như bị bệnh, chuyển trường hoặc không theo kịp kiến thức vì hoàn cảnh và điều kiện sống của gia đình cũng như bản thân các em. Rõ ràng, hiện nay có nhiều trẻ lang thang trong độ tuổi từ 12 đến 15 tuổi vẫn không theo kịp với qui định hiện hành của hệ thống giáo dục Việt Nam. Số liệu khảo sát định tính cũng cho thấy, nhiều trẻ em, đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh khó khăn chưa theo kịp với cấp học cũng như chương trình học tập tại các trường công lập của nhà nước.

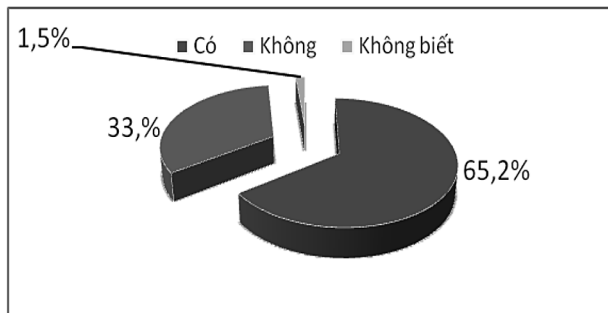
*“Chỉ có khoảng gần 90% trẻ có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận được với các bậc học chính qui theo đúng độ tuổi. Tuy nhiên trong quá trình tham gia học tập, nhiều em phải ở lại lớp vì nghỉ học giữa chừng do biến cố trong gia đình hoặc không theo kịp các bạn do vừa phải lang thang kiếm sống và đi học”* (phỏng vấn sâu cán bộ TX. Tân Châu, An Giang).

*“Thằng bé ham học lắm, nhưng vừa đi bán vừa đi học nên nó (trẻ) không có thời gian học, càng lên cao nó học càng xuống vì thế đáng lẽ nó học cấp 2 nhưng giờ vẫn đang học cấp 1”* (phỏng vấn sâu người chăm sóc trẻ, TP. Long Xuyên).

###### *b. Tỷ lệ trẻ lang thang được nhận các hỗ trợ trong giáo dục*

*Hỗ trợ miễn giảm học phí và các lệ phí học tập.*

Kết quả khảo sát cho thấy, có 65,2% trẻ lang thang trên tổng số 71 trẻ đang được đi học phải đóng học phí và các loại phí học tập (Biểu đồ 2).



**Biểu đồ 2. Tỷ lệ trẻ phải đóng học phí khi tham gia học tập**

Xét trên bậc học, hiện tại có 47,2% trẻ học ở bậc tiểu học đang phải đóng các khoản phí, lệ phí và 50,0% trẻ lang thang đang học bậc trung học cơ sở phải đóng toàn bộ học phí hoặc một phần học phí. Trong khi đó, theo qui định của Luật Giáo dục (2005 và bổ sung năm 2009), bậc tiểu học được miễn học phí theo chương trình phổ cập quốc gia. Tuy nhiên, trên thực tế học sinh tiểu học vẫn còn phải tham gia đóng góp các khoản phí, lệ phí khác cho nhà trường như quỹ lớp, quỹ xây dựng trường, tiền mua quần áo đồng phục, tập viết... Điều này là khó khăn rất lớn đối với hoàn cảnh của các học sinh phải lang thang kiếm sống trên đường phố.

Riêng với bậc học trung học cơ sở, trẻ lang thang được miễn giảm học phí chủ yếu là từ các chính sách ưu đãi giáo dục dành cho hộ nghèo của nhà nước, một số trẻ nhận được sự giúp đỡ từ hội phụ huynh học sinh và giáo viên của các trường. Còn ½ học sinh vẫn phải đóng học phí là do gia đình em không đủ tiêu chí thuộc diện hộ nghèo. Điều này là một trong những trở ngại cho việc tiếp tục tới trường của nhiều trẻ em lang thang.

#### *Các hỗ trợ khác*

Ngoài việc nhận được hỗ trợ về học phí, trẻ lang thang cũng nhận được những hỗ trợ khác, trong đó cao nhất là hỗ trợ về sách vở (40,6%), kế đến là đồng phục (37,7%) và thấp nhất là được cấp học bổng với 8,7% (Bảng 3).

**Bảng 3. Những hỗ trợ khác cho trẻ lang thang**

Hỗ trợ	Số lượng	Tỷ lệ %
Được cấp học bổng	6	8,7
Hỗ trợ sách vở	28	40,6
Đồng phục	26	37,7
Hỗ trợ khác	13	19,1

Nơi mà trẻ nhận được các hỗ trợ trên là nhà trường; công ty số số kiến thiết An Giang; đoàn

thê xã, ủy ban nhân dân phường và hàng xóm. Bên cạnh đó, trẻ còn nhận được hỗ trợ về bảo hiểm y tế, bánh kẹo, thực phẩm trong những dịp lễ tết và đồ dùng học tập, xe đạp (19,1%) từ các tổ chức và cá nhân hảo tâm tại địa phương. Mặc dù, trẻ lang thang đã nhận được nhiều hỗ trợ khác nhau từ những tổ chức, cá nhân, song điều này vẫn chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu hỗ trợ trong học tập ở nhóm đối tượng này. Khi được hỏi về những mong muốn được hỗ trợ trong giáo dục, nhiều trẻ em lang thang cho biết các em vẫn rất cần những hỗ trợ về học phí, các khoản đóng góp tại trường, xe đạp để đi học, đồng phục và các dụng cụ học tập. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với những nhận định từ phía chính quyền địa phương và gia đình trẻ.

Có thể nói rằng, những trẻ em lang thang đang đi học là những trẻ được gia đình ủng hộ và tạo điều kiện có thời gian tới trường nhiều nhất (97,1%). Đồng thời, các em còn nhận được sự yêu thương, giúp đỡ của bạn bè, thầy cô giáo (91,3%), được chính quyền địa phương quan tâm hỗ trợ (36,2%) và được miễn giảm học phí, hỗ trợ dụng cụ học tập (43,5%). Vì vậy, đa số trẻ lang thang xếp loại khá, giỏi trong năm học 2013 - 2014 (60,9% xếp loại khá và 26,1% xếp loại giỏi). Nhưng, xét trên bình diện chung, thuận lợi mà trẻ lang thang được nhận vẫn nằm trong những chính sách ưu đãi chung dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt mà chưa xem xét hoàn cảnh, công việc trên đường phố cũng như những trở ngại trong tâm lý và học tập của những trẻ em lang thang. Đồng thời, khả năng duy trì sự tham gia của trẻ lang thang trong hệ thống giáo dục chính qui cũng rất "mong manh", bởi nó phụ thuộc nhiều vào những chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ phía nhà nước, các tổ chức xã hội cũng như nỗ lực của bản thân trẻ lang thang và việc tạo điều kiện từ phía gia đình các em. Bên cạnh đó, không có dữ liệu nào khẳng định, trẻ em lang thang tiếp cận được với giáo dục nghề nghiệp. Trong khi đó nhu cầu học nghề của các em là 58,7%.

#### *2.4.2. Thực trạng tiếp cận với điều kiện hỗ trợ học tập của trẻ lang thang*

Như ta đã biết, các điều kiện hỗ trợ học tập cũng là một trong những thuận lợi hoặc khó khăn nhất định để trẻ em lang thang tiếp tục tham gia và học tập tốt hơn tại trường học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điều kiện cơ sở vật chất tại các trường

học mà trẻ lang thang đang theo học vẫn còn một số vấn đề.

**Bảng 4. Đánh giá của trẻ về điều kiện hỗ trợ học tập**

Điều kiện học tập	Số lượng	Tỷ lệ %
<b>Phòng học</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Đầy đủ bàn ghế, quạt, ánh sáng, sạch sẽ và thoáng mát	55	79,7
Bàn ghế, quạt, bảng đã cũ, một số hư hỏng	10	14,5
Phòng tối, ẩm ướt	4	5,8
<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Có và rất sạch	45	65,3
Có nhưng không sạch	23	33,3
Có nhưng thiếu nước dùng	1	1,4
<b>Sân, khoảng trống để vui chơi trong giờ giải lao</b>	<b>68</b>	<b>100</b>
Có, sạch sẽ, rộng và mát	58	85,3
Có, sạch sẽ, rộng nhưng nắng	7	10,3
Có, sạch sẽ, mát nhưng nhỏ	1	1,5
Có nhưng ẩm ướt	2	2,9
<b>Dụng cụ nghe/nhìn trên lớp</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Đầy đủ/mới (phong phú, sinh động)	56	81,3
Còn thiếu và đã cũ	5	7,2
Có rất ít	5	7,2
Không có	3	4,3

Theo đánh giá của 14,5% trẻ thì bàn ghế, quạt, bảng trong phòng học của trường đã cũ, một số đã hư hỏng; 5,8% trẻ cho rằng phòng học tối và ẩm ướt. Trong đó, các mô tả cũng cho thấy, phòng học ở TP. Long Xuyên có đầy đủ bàn ghế, quạt, ánh sáng, sạch sẽ và thoáng mát hơn các phòng học ở TP. Châu Đốc và TX. Tân Châu (41,8% so với 30,9% ở TP. Châu Đốc và 23,6% ở TX. Tân Châu). Ngược lại, phòng học có bàn ghế, quạt, bảng đã cũ, một số hư hỏng lại chủ yếu tập trung ở TX. Tân Châu (60% so với 10% ở TP. Long Xuyên và 20% ở TP. Châu Đốc), còn TP. Châu Đốc có nhiều phòng tối và ẩm ướt hơn các địa điểm khác.

Những minh chứng ở Bảng 4 còn cho thấy, chỉ có 65,3% các trường học được trẻ lang thang đánh giá là có nhà vệ sinh sạch sẽ. Còn lại có đến 34,7% trẻ lang thang nhận thấy trường học có nhà vệ sinh nhưng không sạch sẽ hoặc thiếu nước dùng. Xét theo địa bàn nghiên cứu cho thấy, các trường học ở TP. Long Xuyên được đánh giá là nơi có nhà

vệ sinh nhưng không sạch sẽ và thiếu nước dùng cao hơn các địa điểm khác. Đối với sân trường, khoảng trống để vui chơi và dụng cụ nghe nhìn trên lớp được đa số trẻ lang thang đánh giá ở mức tốt (85,3% trẻ cho rằng nhà trường có sân, khoảng trống sạch sẽ, rộng, mát và 81,3% trẻ cho rằng nhà trường có dụng cụ nghe/nhìn trên lớp là phong phú và sinh động). Song cũng còn nhiều trẻ nhận thấy, sân trường nắng, nhỏ, ẩm ướt và dụng cụ nghe/nhìn thiếu, cũ, có rất ít hoặc không có. Các phân tích trên rõ ràng đã chỉ ra rằng, trẻ em nói chung và trẻ em lang thang nói riêng đã được tiếp cận với cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục từ mức khá đến tốt. Điều này, phần nào chứng tỏ phần lớn trẻ em lang thang hài lòng với cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cơ sở vật chất trường lớp vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần được khắc phục để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học.

**Bảng 5. Đánh giá của trẻ về nội dung, thời gian học, thái độ và phương pháp dạy học của thầy cô giáo**

Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ %
<b>Nội dung của giảng dạy</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Nhiều, lý thuyết	14	20,3
Bình thường	26	37,7
Vừa phải với sức học của em	25	36,3
Khác	1	1,4
Không biết	3	4,3
<b>Thời gian học trên trường</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của em	46	66,7
Bình thường	17	24,6
Phù hợp ít	4	5,8
Không phù hợp	2	2,9
<b>Thái độ của thầy/cô giáo trong lớp đối với em</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Quan tâm, giúp đỡ	50	72,5
Bình thường	10	14,5
Ít quan tâm	6	8,7
Không quan tâm, giúp đỡ	3	4,3
<b>Cách giảng bài của thầy/cô giáo</b>	<b>69</b>	<b>100</b>
Rất dễ hiểu	13	18,8
Dễ hiểu	45	65,3
Bình thường	6	8,7
Không hiểu lắm (hiểu ít)	5	7,2

Cũng giống như điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất trường lớp, nội dung chương trình các môn học, thời gian học, thái độ và cách giảng bài của

các thầy cô giáo cũng được nhiều trẻ lang thang đánh giá là chưa phù hợp. Cụ thể là: có đến 20,3% trẻ lang thang cho rằng nội dung còn nhiều và lý thuyết, 8,7% trẻ cho rằng thời gian học tập hiện nay ít phù hợp hoặc không phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của các em, 13% trẻ cho biết giáo viên ít quan tâm hoặc không quan tâm, giúp đỡ các em và 7,2% trẻ cho rằng cách giảng bài của giáo viên khiến trẻ hiểu ít (Bảng 5). Đây cũng là những điều cần được lưu ý khi xây dựng các biện pháp hỗ trợ giáo dục cho trẻ em lang thang.

### **2.5. Thực trạng tiếp cận với giáo dục thường xuyên của trẻ lang thang**

Các dữ liệu từ nghiên cứu cho thấy không có trẻ lang thang nào đang tham gia học tập trong cả hệ thống giáo dục chính qui và giáo dục thường xuyên. Bên cạnh đó, cũng không có số liệu nào cho thấy trẻ em lang thang đã bỏ học hoặc chưa từng đi học được tiếp cận với các hình thức giáo dục thường xuyên của nhà nước. Kết quả này là tương đối phù hợp với phát hiện của tổ chức Unicef [8] tại Việt Nam, theo đó nghiên cứu cho thấy:

“Mặc dù đối với trẻ không thể đến trường, hiện nay có nhiều hình thức giáo dục thay thế được thực hiện thông qua các lớp học lưu động, lớp học hòa nhập, lớp học tình thương bằng các tiết học miễn phí. Các mô hình này, dành cho trẻ có nguy cơ bỏ học, trẻ khuyết tật, trẻ em đường phố, lao động trẻ em và con em của các ngư dân. Tuy nhiên, không có số liệu nào cho biết tỷ lệ trẻ được tham gia những mô hình giáo dục này cũng như không có số liệu nào cho thấy mức độ đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ”.

Riêng đối với hình thức giáo dục thường xuyên của các tổ chức, cá nhân, nghiên cứu ghi nhận trong 79 trẻ em lang thang đã nghỉ học và chưa từng đi học (chiếm 53% trong tổng số trẻ em lang thang) chỉ có 7,4% trẻ lang thang được tham gia vào lớp học tình thương. Các lớp học tình thương này không phải do nhà nước làm chủ mà chủ yếu là do sinh viên của Trường Đại học An Giang và giáo viên nghỉ hưu tổ chức giảng dạy. Đây là một hình thức giáo dục phi chính qui và miễn phí. Mục đích của lớp học này là xóa mù và chống tái mù chữ cho trẻ em không có điều kiện đến trường hoặc học yếu ở trường. Địa điểm và thời gian học tập của hình thức giáo dục này cũng rất linh hoạt, có thể học tại nhà trẻ hoặc ở một địa điểm nào đó

mà trẻ có thể đi học thuận tiện nhất. Song, những cơ sở vật chất trường lớp, chương trình đều không phụ thuộc vào hệ thống giáo dục chính qui của nhà nước. Chính vì thế, tiêu chí về hệ thống giáo dục mà nghiên cứu đưa ra để tìm hiểu mức độ tiếp cận giáo dục của trẻ lang thang trong giáo dục thường xuyên sẽ không được đánh giá và xem xét.

## **3. Kết luận và khuyến nghị**

### **3.1. Kết luận**

Tăng cường cơ hội tiếp cận với giáo dục là một trong những cách thức nhằm nâng cao chỉ tiêu phát triển con người, tiến tới giảm nghèo và phát triển bền vững. Đặc biệt là cơ hội tiếp cận giáo dục đối với trẻ em, những mầm non tương lai của đất nước. Trong đó, trẻ em lang thang là nhóm đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, rất cần được quan tâm, giáo dục và chăm sóc để trở thành những công dân có kiến thức, kỹ năng, năng lực góp phần phát triển xã hội. Tuy nhiên, giáo dục cho trẻ em lang thang vẫn là vấn đề nan giải trong nhiều năm nay. Kết quả nghiên cứu tại tỉnh An Giang cho thấy, tỷ lệ trẻ lang thang được phổ được đi học phổ thông hệ chính qui chỉ chiếm 47%, trong đó ở những bậc học cao, số lượng trẻ em lang thang càng giảm dần và khả năng đi học đúng độ tuổi của các em càng thấp. Không những thế, các em còn gặp nhiều rào cản trong quá trình học tập và tiếp thu tri thức, nhất là sự thiếu thốn về tài chính và thời gian học tập. Đồng thời, nội dung giảng dạy, thời gian học tập, cơ sở vật chất trường lớp, thái độ và phương pháp giảng dạy của giáo viên cũng còn nhiều điểm chưa phù hợp với tâm lý và hoàn cảnh của trẻ lang thang. Riêng với hệ giáo dục thường xuyên và giáo dục dạy nghề, nghiên cứu cũng ghi nhận không có trẻ lang thang nào tiếp cận được với loại hình giáo dục này, mà chỉ có một tỷ lệ nhỏ trẻ lang thang “đã bỏ học và chưa từng đi học” tiếp cận được với các hình thức giáo dục thường xuyên của các cá nhân trên địa bàn (chỉ có 7,4% trẻ lang thang tiếp cận được với lớp học tình thương). Kết quả trên cho thấy, đa phần nhóm trẻ lang thang gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận với giáo dục. Do đó để phòng, chống, ngăn ngừa tình trạng lang thang ở trẻ em cũng như tăng cơ hội tiếp cận với giáo dục cho nhóm đối tượng này đòi hỏi phải có một chiến lược tổng thể với sự góp sức của gia đình và toàn xã hội.

### 3.2. Khuyến nghị

Từ những phát hiện chính, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và tăng cơ hội tiếp cận với hệ thống giáo dục quốc dân (chính qui và thường xuyên) cho nhóm trẻ em lang thang trên địa bàn tỉnh An Giang.

*Một là*, là Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang cần phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đối với các gia đình nghèo, nhất là các gia đình có trẻ em đi lang thang kiếm sống thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông trực tiếp với nhiều hình thức phong phú và phù hợp.

*Hai là*, ngành giáo dục và các cấp chính quyền tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp nhằm đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất cho tất cả trẻ em. Đồng thời cần có những điều chỉnh về nội dung môn học, thái độ của giáo viên và phương pháp dạy học để tạo điều kiện và cơ hội tốt nhất cho trẻ lang thang có động lực học tập và tiếp thu tri thức.

*Ba là*, Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và giáo viên chủ nhiệm nên xem xét xây dựng tiêu chí đánh giá học lực phù hợp với đặc điểm cá nhân của các em. Từ đó, vừa giúp các em học tập theo khả năng, vừa giúp các em có thêm cơ hội để đến trường.

*Bốn là*, xem xét đưa nhiệm vụ giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có trẻ lang thang vào nhiệm vụ năm học của các trường. Đồng thời, xây dựng các nội dung chương trình học tập phù hợp với nhu cầu của học sinh cũng như có những khoá học bồi dưỡng cho giáo viên dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm cá nhân học sinh.

*Năm là*, ngành giáo dục cần tăng cường đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Truyền thông và tăng cường sự hiểu biết về các chính sách giáo dục dành cho học sinh thiệt thòi và có hoàn cảnh khó khăn để giúp trẻ lang thang tiếp

cận một cách đầy đủ các chương trình, chính sách của nhà nước.

*Sáu là*, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang xem xét tham mưu xây dựng các chính sách trợ giúp cho đối tượng trẻ em lang thang kiếm sống trên đường phố nhưng vẫn sống cùng gia đình hoặc người bảo trợ có điều kiện đi học như các hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho các bậc học mẫu giáo và phổ thông đối với nhóm trẻ này; hỗ trợ các em về phương tiện đi học, hỗ trợ đồng phục và sách vở, dụng cụ học tập.

*Bảy là*, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thiện hệ thống pháp lý, hệ thống tổ chức và cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em mang tính chuyên nghiệp để có thể trợ giúp và tạo cơ hội phát triển cho nhóm trẻ lang thang.

*Tám là*, triển khai và tổ chức các hình thức giáo dục phi chính qui cho nhóm trẻ lang thang đã nghỉ học hoặc chưa từng đi học nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng, tránh tình trạng mù chữ xảy ra ở các em. Đặc biệt là nên xem xét dạy nghề cho những trẻ vị thành niên không còn đi học, nhằm giúp các em có nghề nghiệp ổn định, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

*Chín là*, Sở Tư Pháp và phòng tư pháp cơ sở cần tạo điều kiện nhanh nhất và sớm nhất cho gia đình và trẻ lang thang làm được giấy khai sinh để có thể tiếp cận được với giáo dục theo đúng độ tuổi.

*Mười là*, chính quyền cấp cơ sở (xã/phường) cần có những chính sách tốt nhất để gia đình của trẻ lang thang có việc làm và thu nhập ổn định, tạo điều kiện để cho các thành viên trong gia đình trẻ được vay vốn và học nghề phù hợp tại địa bàn sinh sống. Đồng thời, có những biện pháp liên kết để tiêu thụ sản phẩm do nghề làm ra.

*Mười một là*, gia đình trẻ lang thang cần nỗ lực vươn lên để thoát nghèo và ổn định cuộc sống nhằm mang lại cuộc sống tươi đẹp hơn cho trẻ em. Riêng trẻ lang thang cần nỗ lực vươn lên, khắc phục những khó khăn, vượt qua những trở ngại về tâm lý để tiếp thu bài tốt, học hỏi thêm nhiều kỹ năng để không phụ công mong đợi của gia đình và thầy cô giáo./

#### Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Buồm (2007), *Trẻ lang thang cơ nhỡ - thực trạng và giải pháp*, Đề tài cấp ngành, Viện Nghiên cứu Thanh niên.

[2]. Đỗ Mạnh Cường (2009), *Định nghĩa về giáo dục*, Viện Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục chuyên nghiệp, <http://ipe.edu.vn/tabID/84/default.aspx?ArticleID=1&CategoryID=4>.



[3]. Vũ Tùng Dương (2007), “Cơ hội học tập của trẻ lang thang - vấn đề cần được quan tâm”, *Tạp chí Xã hội học*, (số 2), tr. 76-80, [http://www.ios.org.vn/~iosorg/images/stories/BaiTapChi/TCXHH%202007/So2\\_2007\\_VuTungDuong.pdf](http://www.ios.org.vn/~iosorg/images/stories/BaiTapChi/TCXHH%202007/So2_2007_VuTungDuong.pdf).

[4]. Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tào, Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[5]. Đặng Khoa, Thúy Uyên (2011), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, NXB Thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. UNESCO (2010), *Giáo dục thường xuyên trong xã hội học tập*, [http://unescovietnam.vn/vnf/index.php?option=com\\_content&view=article&id=337:giao-dc-thng-xuyen-trong-xa-hi-hc-tp&catid=58:tin-tc&Itemid=182](http://unescovietnam.vn/vnf/index.php?option=com_content&view=article&id=337:giao-dc-thng-xuyen-trong-xa-hi-hc-tp&catid=58:tin-tc&Itemid=182)

[7]. Unicef (2010), *Hai mươi năm Việt Nam phê chuẩn Công ước Quốc tế Quyền trẻ em - từ tâm nhìn đến hành động*, [http://www.unicef.org/vietnam/vi/media\\_16913.html](http://www.unicef.org/vietnam/vi/media_16913.html).

[8]. Unicef (2010), *Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam*, [http://www.un.org.vn/images/stories/pub\\_trans/SITAN\\_2010\\_vn.pdf](http://www.un.org.vn/images/stories/pub_trans/SITAN_2010_vn.pdf).

[9]. Unicef & Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2009), *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[10]. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2013), *Báo cáo Tình hình thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2004-2012*, số 36/BC-UBND.

## **REALITY OF STREET CHILDREN’S EDUCATION ACCESSIBILITY IN AN GIANG PROVINCE**

### **Summary**

This article discusses street children’s reality of accessing the national education system (formal education and continuing education) in three major cities of An Giang province. In addition, it presents analysis, discussions and recommendations to increasing opportunities and the level of access to education for those street children.

Keywords: street children, access to education, An Giang province.

Ngày nhận bài: 25/3/2016; Ngày nhận lại: 18/5/2016; Ngày duyệt đăng: 27/9/2016.